

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HS-ST
Ngày: 11- 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Lin;

Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Hồ Minh N, sinh năm 1997 tại Long An; nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn C, sinh năm 1976 và bà Trương Thị M, sinh năm 1976; chưa có vợ, con; tiền sự: Không.

Tiền án:

Bản án số 62/2016/HSST ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, xử phạt Hồ Minh N 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm, về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong bản án vào ngày 22/9/2017.

Bản án số 91/2018/HSST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xử phạt Hồ Minh N 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/10/2019.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/3/2020 đến ngày 10/3/2020 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

Bị hại: Nguyễn Thị T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ô 4 Khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề

nghe xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Lê Mai H, sinh năm 1997; địa chỉ: Ô 4 Khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Nguyễn Đăng K, sinh năm 1982 (vắng mặt).

- Lê Bảo Tr, sinh năm 1986 (vắng mặt).

- Phạm Minh T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ô 4 Khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên vào ngày 02/3/2020, Hồ Minh N, nảy sinh ý định đi tìm tài sản của người dân để sơ hở trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định trên N chuẩn bị sẵn 01 ống điều bằng kim loại màu trắng loại 8mm, dài 16,5cm, 02 đầu lục giác, 01 đầu cong; 01 đoạn kim loại dài 7cm, 01 đầu lục giác, 01 đầu dẹp cắt giấu trong người. Đến khoảng 9 giờ ngày 04/3/2020, N đi đến huyện Đức Hoà, tỉnh Long An tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến nhà bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 tại Ô 4, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An, N nhìn thấy xe mô tô biển số 62P1-718.50 của bà T được dựng ở trước nhà, đầu xe quay vào trong nhà, đuôi xe hướng ra lộ nhựa, không có người trông giữ nên N nảy sinh ý định trộm cắp xe này. N quan sát xung quanh thấy không có người nên đi bộ đến gần vị trí dựng xe mô tô biển số 62P1-718.50 rồi dùng cây đoạn đem theo sẵn trong người để mở khoá công tắc xe nhưng không mở được nên N dùng tay quay đầu xe hướng ra lộ nhựa, dịch chuyển xe khoảng 50 cm, N tiếp tục dùng đoạn mở khoá công tắc xe và bị bà Thuỷ phát hiện truy hô nên N bỏ chạy và người dân bắt giữ quả tang được N giao lại cho lực lượng công an xử lý.

Vật chứng thu giữ quả tang gồm có:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại GRANDE, màu xanh, số máy: E3N4E171382, số khung: 7620HY033074, biển số: 62P1-71850.

- 01 ống điều, kim loại màu trắng loại 8mm, dài 16,5cm, 02 đầu lục giác, 01 đầu cong; 01 đoạn kim loại dài 7cm, 01 đầu lục giác, 01 đầu dẹp.

Quá trình điều tra xác minh được xe mô tô biển số 62P1-718.50 do Lê Mai H (con ruột bà Thuỷ) đứng tên đăng ký sở hữu, mua vào năm 2017 và Thuận giao xe mô tô này cho bà Thuỷ sử dụng làm phương tiện đi lại đến ngày 04/3/2020 bị N chiếm đoạt.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25 ngày 05/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An kết luận xe mô tô biển số có giá trị thành tiền là 30.793.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Hồ Minh N khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu; bị cáo không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về bản kết luận giám định, đồng thời không có khiếu nại gì đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Tại bản Cáo trạng số 55/CT-VKS-ĐH ngày 29/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Hồ Minh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g Khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Minh N từ 04 năm đến 05 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 ống điếu, kim loại màu trắng loại 8mm, dài 16,5cm, 01 đầu lục giác, 01 đầu cong; 01 đoạn kim loại dài 7cm, 01 đầu lục giác, 01 đầu dẹp (hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang tạm giữ).

Đối với xe mô tô biển số 62P1-71850, Cơ quan điều tra đã trao trả xong cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị T theo biên bản trả tài sản ngày 05 tháng 3 năm 2020 là phù hợp, nên không đề nghị xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị T sau khi nhận lại xe, yêu cầu bị cáo Hồ Minh N bồi thường tiền sửa ổ khóa xe bị hư hỏng là 3.370.000 đồng do N sử dụng đoạn bẻ khóa gây ra. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền này đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trước tòa, bị cáo Hồ Minh N khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước tòa, thể hiện: Khoảng 09 giờ ngày 04/3/2020, tại nhà của bà Nguyễn Thị T, bị cáo N có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà T một xe mô tô biển số 62P1-71850 trị giá thành tiền là 30.793.000 đồng. Đang trong lúc N thực hiện hành vi trộm cắp và dịch chuyển xe mô tô biển số 62P1-71850 được khoảng 50 cm thì bị bà T phát hiện truy hô cùng với người dân bắt giữ quả tang N cùng vật chứng giao lại công an xử lý.

[3] Hành vi của bị cáo lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bà Nguyễn Thị T đã lén lút trộm cắp tài sản trị giá 30.793.000 đồng; đồng thời tại Bản án số 91/2018/HSST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh

Tây Ninh xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/10/2019, chưa được xóa án tích. Đến ngày 04/3/2020, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mới trên địa bàn huyện Đức Hòa tỉnh Long An. Như vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý” là tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 BLHS; hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo qui định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017 như kết luận của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa là có căn cứ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an của địa phương; bị cáo liên tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn các tỉnh khác nhau và đã bị xét xử nhiều lần nhưng bị cáo không có ý thức cải sửa. Vì vậy cần có mức án thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo không có tình tiết tăng nặng nên khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị T sau khi nhận lại xe, yêu cầu bị cáo N bồi thường tiền sửa ổ khóa xe bị hư hỏng là 3.370.000 đồng do N sử dụng đoạn bẻ khóa gây ra, bị cáo đồng ý. Sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX xem xét ghi nhận.

[6] Xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 62P1-71850, Cơ quan điều tra đã trao trả xong cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị T theo biên bản trả tài sản ngày 05 tháng 3 năm 2020 là phù hợp, nên HĐXX không xem xét.

Đối với vật chứng bị cáo sử dụng trong việc phạm tội không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy: 01 ống điều, kim loại màu trắng loại 8mm, dài 16,5cm, 01 đầu lục giác, 01 đầu cong; 01 đoạn kim loại dài 7cm, 01 đầu lục giác, 01 đầu dẹp (hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang tạm giữ).

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Hồ Minh N phải nộp án phí theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017; Điều 106; 135; 136; 329 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Minh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hồ Minh N 04 (bốn) năm tù. Thời gian phạt tù được tính từ ngày 04/3/2020.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hồ Minh N phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị T số tiền 3.370.000 đồng (*ba triệu, ba trăm, bảy mươi ngàn đồng*) là chi phí sửa chữa ổ khóa xe.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 ống điếu, kim loại màu trắng loại 8mm, dài 16,5cm, 01 đầu lục giác, 01 đầu cong; 01 đoạn kim loại dài 7cm, 01 đầu lục giác, 01 đầu dẹp (hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang quản lý).

4. Về án phí: Bị cáo Hồ Minh N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tho